

Bản án số: 04/2019/HC-ST
Ngày: 19-7-2019
V/v: *Khiếu kiện quyết định hành
chính.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê R Hải
2. Bà: Hoàng Phương Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 06/2018/TLST-HC ngày 02-7-2018 về việc đề nghị: “*Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết đơn khiếu nại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn P

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị S (Theo Giấy ủy quyền ủy quyền ngày 09-9-2015).

Cùng trú tại: Tổ 24, phường SB, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Vũ Văn Th và bà Lê Thị KA - Luật sư Công ty Luật hợp danh INCIP thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt Luật sư Th, vắng mặt Luật sư KA.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Xuân A - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng (Theo Giấy ủy quyền số 838/UBND-UQ ngày 28-3-2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng). Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: **Ông Đàm Văn L** - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Tuấn H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Đức X - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng (Theo Giấy ủy quyền số 427/GUQ-UBND ngày 24-4-2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn V (Đã chết).
Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng:

1. Bà Sầm Thị Q (Vợ ông V)

Địa chỉ: Tổ 24, phường SB, thành phố Cao Bằng.

2. Bà Nguyễn Thị Tr (Con ông V)

Địa chỉ: Tổ 20, phường SB, thành phố Cao Bằng.

3. Bà Nguyễn Thị M2 (Con ông V)

Địa chỉ: Tổ 16, phường SB, thành phố Cao Bằng.

4. Bà Nguyễn Thị N1 (con ông V).

Địa chỉ: Tổ 20, phường SB, thành phố Cao Bằng.

5. Bà Nguyễn Thị M1 (Con ông V)

Địa chỉ: Tổ 22, phường SB, thành phố Cao Bằng.

6. Bà Nguyễn Thị M (Con ông V)

Địa chỉ: Tổ 24, phường SB, thành phố Cao Bằng.

- Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M (Theo Giấy ủy quyền ngày 02-12-2015); Có mặt.

4. *Người làm chứng:* Ông Hoàng Nông D;

Địa chỉ: Tổ 18, phường SB, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-9-2015, bản tự khai, phiên họp đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm bà Phan Thị S trình bày:

Ngày 12-10-2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) thành phố Cao Bằng ban hành Quyết định số 1993/QĐ-UBND giải quyết việc tranh chấp đất đai của ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị S (Viết tắt là Quyết định số 1993). Ngày 22-11-2012, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 2274/QĐĐC-UBND (Viết tắt là Quyết định số 2274) đính chính lỗi đối với Quyết định số 1993 nêu trên. Sau đó, gia đình bà S khiếu nại tới Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng và được giải quyết bằng Quyết định giải quyết khiếu nại số 1724/QĐ-UBND ngày 21-10-2013 (Viết tắt là Quyết định số 1724). Các quyết định giải quyết khiếu nại đã vi phạm pháp luật và tự mâu thuẫn với nhau, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 1724 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng, gia đình bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ các quyết định trên; Đề nghị: Xem xét lại quá trình đo đạc, quá trình xác minh thửa đất, quá trình ban hành văn bản. Nếu có sự sai lệch, đề nghị các cơ quan ban hành sửa đổi lại cho đúng thực tế. Đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình bà với gia đình ông Nguyễn Văn V theo quy định của pháp luật.

Căn cứ huỷ các quyết định trên: Về thời hạn giải quyết khiếu nại: Không đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Các Quyết định hành chính nói trên không khách quan và xâm hại trực tiếp đến quyền lợi của gia đình bà. Cụ thể:

Nguồn gốc khu đất Nà Áng có từ thời cha ông để lại, không có di chúc cũng không có biên bản thoả thuận phân chia đất đai. Việc phân chia đất đai cho ông H (là bố của ông P) và ông Z (là bố của ông V) các cụ chỉ thoả thuận phân chia bằng miệng. Khi còn sống, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Z đã kê khai đưa

phần đất của mình vào hợp tác xã (HTX) TX. Đến khi HTX giải thể đất của ai người đó nhận quản lý, sử dụng thì xảy ra tranh chấp.

Ông Nguyễn Văn H (bố ông Nguyễn Văn P) đưa đất vào HTX tính theo bó mạ. Theo sơ đồ cũ của HTX và theo sổ thu thuế là $196 \text{ bó mạ} \times 16 = 3.136\text{m}^2$ (01 bó mạ bằng 16m^2). Còn đất của ông Nguyễn Văn Z (bố của ông Nguyễn Văn V) đưa vào HTX theo sơ đồ cũ có 02 đám: đám thứ nhất có diện tích 688m^2 , đám thứ hai có diện tích 456m^2 , tổng cộng cả hai đám có diện tích là 1.144m^2 .

Theo bản đồ địa chính hiện nay gia đình ông V (bà Q) đang quản lý, sử dụng là 2.228m^2 . Nếu lấy số diện tích đất đang sử dụng trừ đi diện tích đất đưa vào HTX thì gia đình ông V đã lấn 1.084m^2 đất của gia đình bà S. Năm 1991 ông V đã lấn chiếm đường ranh giới xây nhà qua thửa 271, tờ bản đồ số 1x của gia đình bà S. Do đó, bà S yêu cầu ông V phải tháo dỡ nhà trả lại đất cho gia đình bà S.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - ông Nguyễn Trung T, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng trình bày:

Thửa 271 là đất của gia đình ông Nguyễn Văn P do bố là Nguyễn Văn H kê khai vào HTX TX năm 1967. Đến năm 1991 giải thể HTX gia đình ông P mới lấy lại và dựng nhà, quản lý, sử dụng liên tục cho đến nay. Thửa 327 của gia đình ông Nguyễn Văn V do bố là Nguyễn Văn Z làm nhà và giao cho ông V sử dụng nhà và đất từ năm 1964, không kê khai vào HTX. Khoảng tháng 4, 5 năm 1991 ông V đã tháo dỡ nhà gỗ và xây dựng lại nhà cấp IV trên nền nhà gỗ cũ, vị trí và diện tích vẫn giữ nguyên. Năm 1998, nhà nước thu hồi một phần thửa 271 của ông P với diện tích là $141,84\text{m}^2$ và một phần thửa 327 của ông V với diện tích là $85,32\text{m}^2$ để làm công trình kè SB.

Đường ranh giới giữa hai thửa 271 và thửa 327: Trong thời kỳ HTX, ranh giới giữa hai thửa là lối mòn rộng khoảng 0,8 - 1,0m là lối đi chung của xóm xuống sông và có bụi tre ở hai đầu làm ranh giới, hiện nay bụi tre vẫn còn. Sau khi HTX giải thể ông P, bà S cuốc lối đi để làm ruộng và sử dụng cho đến nay. Ranh giới hiện nay một phần là tường nhà ông V, một phần là hàng rào bằng cây râm bụt do nhà ông V rào.

Kết quả kiểm tra tài liệu do bà S cung cấp cho đoàn thanh tra Sở tài nguyên và môi trường đã ghi nhận hai thửa còn nguyên trạng không thay đổi, nhà ông V xây dựng hoàn toàn trong thửa 327. Thửa 271 của gia đình ông P, bà S hiện vẫn

có nhà xây hai tầng và phần giáp nhà ở của ông V là chuồng trâu của nhà bà S. Lối mòn trước đây ông P, bà S đã cuốc để làm ruộng hai đầu thửa đất vẫn còn các bụi tre.

Bà S cho rằng đất của gia đình ông V theo sơ đồ chỉ có 1.144m², qua xem xét thì trên sơ đồ chỉ ghi diện tích ruộng để tính sản phẩm và mức nộp thuế nông nghiệp, chưa tính diện tích đất ở và đất vườn. Do đó diện tích đất của ông V trên thực tế phải cao hơn số liệu của bà S.

+ Bà S cho rằng thửa đất 2xx do ông H kê khai vào HTX với số liệu trước đây là 191 bó mạ bằng 2.901m². Nhưng lại cho biết số liệu này là theo ông H nói lại, không có tài liệu kê khai vào HTX, còn sơ đồ giải thửa năm 1964 thì không ghi số diện tích. Qua xem xét thì số liệu 2.901m² là diện tích trên bản đồ địa chính đo vẽ năm 1995 chứ không phải là số liệu theo các tài liệu trước đây để lại. Trong khi đó, biên bản giải quyết xác định ranh giới, diện tích đất đai ngày 19-9-2002 của phường SB có ghi nhận diện tích đất là 1.952m², được quy đổi từ 122 bó mạ. Theo số liệu kiểm tra hiện trạng thửa đất 2xx của gia đình ông P thì diện tích hiện còn hơn 2.564m², diện tích nhà nước đã thu hồi năm 1998 là 141,84m². Qua so sánh diện tích thực tế của thửa đất gia đình bà S cao hơn nhiều so với số liệu diện tích đất kê khai vào HTX ghi trong đơn của ông P đã được phường SB xem xét trước đây. Do đó, việc bà S cho rằng thửa đất 2xx, từ bản đồ số 1x của gia đình còn thiếu diện tích vì đã bị ông V lấn chiếm ranh giới để xây dựng nhà từ năm 1991 là không có cơ sở.

Tại biên bản làm việc của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã ngày 18-8-2011 về kết quả đo đạc thửa đất 2xx, từ bản đồ số 1x bà S cho rằng: Nếu so với bản trích lục thửa đất ngày 16-12-2009 do bà cung cấp thì ông V có lấn sang và phần đất giáp bà R không được tính vào diện tích thửa đất mà để ngoài nên diện tích đo phải chừa phần giáp Chu Thị R 9,5m (không kê khai vào HTX). Nếu đo sang phần đất của ông V thì mới đủ diện tích, phần giáp bờ kè SB cũng không nằm trong đất kê khai vào HTX nên phải tách khỏi ranh giới thửa 271. Bà đề nghị huỷ kết quả đo đạc ngày 08-6-2011 và yêu cầu ông V phải dỡ nhà giao phần diện tích từ nhà ông V cho gia đình bà. Tuy nhiên, bà S không đưa được tài liệu hay nhân chứng nào để chứng minh. Ngược lại, tại đơn trình bày nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông P, bà S ngày 21-12-2010 có xác nhận: Nguồn gốc đất của ông P, bà S như nguyên trong sơ đồ giải thửa, không có phần diện tích giáp bờ kè SB và giáp bà R chưa kê khai vào HTX.

+ Qua thẩm tra các nhân chứng cũng đều cho rằng đường ranh giới giữa hai thửa đất trước đây là lối đi chung của xóm xuống sông, năm 1991 ông V xây nhà trên nền nhà cũ dựng từ năm 1964, không có việc lấn đất của ông P mà chỉ có ông P cuốc lối đi chung để làm ruộng.

UBND tỉnh đã xem xét kỹ các tài liệu, nhân chứng do ông P, bà S cung cấp, có bổ sung từ các tài liệu nhân chứng do đoàn thanh tra thu thập được. Các chứng cứ thu thập được đã chứng tỏ rằng không có việc ông V lấn ranh giới sử dụng đất để xây dựng nhà trên thửa đất của ông P, bà S từ năm 1991 như đơn khởi kiện trình bày.

Vì thế Quyết định số 1993 của UBND thành phố đúng với quy định của pháp luật và thực tế sử dụng. Quyết định số 1724 đã được ban hành đúng và có căn cứ, đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền hình thức nội dung. Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P là hoàn toàn không có cơ sở.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - ông Lâm Đức X, Phó Chủ tịch UBND thành phố Cao Bằng trình bày:

Nhất trí với ý kiến của UBND tỉnh Cao Bằng. Thời hạn giải quyết khiếu nại tuy quá hạn nhưng nội dung vẫn đúng quy định của pháp luật. Về bản chất vụ việc là giải quyết tranh chấp đất đai giữa hai hộ dân. Việc ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại là hoàn toàn khách quan.

Về nguồn gốc tranh chấp: Bắt đầu từ khi có bản đồ địa chính năm 1995, sau khi đo lại bà S phát hiện đất hiện trạng của gia đình bà bị khuyết đi nên cho rằng gia đình ông V lấn chiếm. Qua các lời khai về kê khai đất của bà S trước khi có bản đồ 1995 thì chính bà cũng không biết rõ diện tích đất của gia đình mình. Căn cứ bản đồ địa chính năm 1995 kết hợp với sổ mục kê ruộng đất, UBND thành phố xác định các số liệu trong sổ mục kê với bản đồ địa chính năm 1995 hoàn toàn khớp nhau. Đây là cơ sở để xem xét việc giải quyết vụ án. Theo đó, gia đình ông V có tổng 2.228m² đất thổ cư, 458m² đất lúa (theo sổ mục kê ruộng đất) như vậy đất ông V có theo các tài liệu lớn hơn đất hiện trạng bây giờ. Còn đối với đất của bà S, về tứ cận tiếp giáp mới xác định được một phía giáp ông Vịnh, một phía giáp bờ kè còn 02 cạnh tiếp giáp còn lại bà S chưa xác định được.

Ngoài ra, nhà ông V xây nhà từ năm 1991, tức là trước khi có bản đồ địa chính năm 1995 và sổ mục kê. Từ năm 1991 đến nay ông V không hề coi nói nhà nên có thể lấy đó làm căn cứ để xác định mốc giới giữa hai thửa đất. Dựa theo đó,

ranh giới giữa hai thửa đất của hai gia đình vẫn còn nguyên và xác định ông Vịnh không lấn chiếm đất của bà S.

Như vậy, bà S cho rằng ông V lấn chiếm đất của mình là không có cơ sở chấp nhận. UBND thành phố Cao Bằng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P, bà S; đề nghị HĐXX bác đơn khởi kiện.

Người đại diện theo uỷ quyền của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn V là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ranh giới sử dụng đất do cha ông để lại, gia đình bà làm nhà từ năm 1991 thì xảy ra tranh chấp, các ban ngành giải quyết đều thừa nhận gia đình bà không lấn chiếm. Bà nhất trí với quyết định giải quyết của các cấp. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn P, bà Phan Thị S.

Luật sư Vũ Văn Th, luật sư Lê Thị KA là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà P trình bày: Các quyết định số 1993, Quyết định số 2274, Quyết định số 1724 ban hành không đúng gây thiệt hại cho gia đình bà S. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy các quyết định nói trên và giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình bà S với gia đình ông Nguyễn Văn V tại các thửa đất số 271, 327 tờ bản đồ số 1x phường SB, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; xác định quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bà S là 3.136m² bao gồm phần diện tích gia đình bà S đang sử dụng và 1.084m² đất gia đình ông V lấn chiếm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Hành chính về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật tố tụng Hành chính.

- Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án:

- + Về việc gửi Quyết định số 1993 và Quyết định số 2274 cho gia đình bà S không đúng thời hạn của UBND thành phố: Đây là lỗi hành chính, đề nghị UBND

thành phố Cao Bằng rút kinh nghiệm. Tuy nhiên bà S cũng đã được biết về nội dung các quyết định này và khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh nên quyền khiếu nại, khiếu kiện của gia đình bà vẫn được bảo đảm.

+ Về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình bà Phan Thị S với gia đình ông Nguyễn Văn V: Gia đình ông P, gia đình ông V và UBND thành phố đều xác định trên đất đang tranh chấp có ngôi nhà của ông V xây dựng lại từ năm 1991. Việc UBND thành phố Cao Bằng giải quyết đơn khiếu nại tranh chấp đất đai có tài sản trên đất thuộc trường hợp đất tranh chấp gắn liền với tài sản, là chưa phù hợp với quy định pháp luật, thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, bà S; Hủy các Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 12-10-2012 và Quyết định số: 2274/QĐĐC-UBND ngày 22-11-2012 của Chủ tịch UBND thành phố Cao Bằng; Quyết định số: 1724/QĐ-UBND ngày 21-10-2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn P và vợ là bà Phan Thị S.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn P khởi kiện Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 12-10-2012 và Quyết định số: 2274/QĐĐC-UBND ngày 22-11-2012 của Chủ tịch UBND thành phố Cao Bằng; Quyết định số: 1724/QĐ-UBND ngày 21-10-2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn P và vợ là bà Phan Thị S.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 3; Khoản 3 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Quyết định số 1993 được ban hành ngày 12-10-2012; Quyết định số: 2274 được ban hành ngày 22-11-2012; Quyết định số: 1724 được ban hành ngày 21-10-2013. Ông Nguyễn Văn P nộp đơn khởi kiện các Quyết định này ngày 28-9-2015.

Ngày 12-4-2016 Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Bản án số 01/2016/HCST quyết định đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đối với Quyết định số: 1993 và Quyết định số: 2274 với lý do đã quá thời hiệu khởi kiện. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc hủy Quyết định số 1724 vì không có căn cứ pháp luật.

Ngày 27-4-2017 bà Phan Thị S - người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 28-4-2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ra Bản án số 111/2017/HCPT Chấp nhận kháng cáo của bà S, hủy bản án sơ thẩm số 01/2016/HCST ngày 12-4-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng; giao hồ sơ để Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm lại.

Các Quyết định số 1993 và Quyết định số 2274, Quyết định số 1724 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn P và vợ là bà Phan Thị S đều có liên quan với nhau. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn, ông Nguyễn Văn P và vợ là bà Phan Thị S có quyền khởi kiện.

[2] Xét tính hợp pháp của các Quyết định hành chính bị kiện:

Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 12-10-2012 của Chủ tịch UBND thành phố Cao Bằng về việc giải quyết đơn khiếu nại đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của gia đình ông Nguyễn Văn P và vợ là Phan Thị S, thường trú tổ 24, phường SB, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Quyết định số: 2274/QĐĐC-UBND ngày 22-11-2012 của Chủ tịch UBND thành phố Cao Bằng đình chỉ Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 12-10-2012 của Chủ tịch UBND thành phố Cao Bằng về việc giải quyết đơn khiếu nại đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của gia đình ông Nguyễn Văn P và vợ là Phan Thị S;

Quyết định số: 1724/QĐ-UBND ngày 21-10-2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn P và vợ là bà

Phan Thị S.

Các Quyết định này giải quyết khiếu nại về tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình ông P, bà S với gia đình ông V.

Tại thời điểm giải quyết tranh chấp: Thửa đất đang tranh chấp không có GCNQSDĐ, không có một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Nhưng trên đất tranh chấp có tài sản là một ngôi nhà xây cấp 4 của ông Nguyễn Văn V. Tại Tòa gia đình ông P, gia đình ông V và người làm chứng đều khẳng định có nhà của ông V trên thửa đất tranh chấp.

UBND thành phố Cao Bằng xác định giữa gia đình ông P và gia đình ông V chỉ tranh chấp quyền sử dụng đất, không tranh chấp về tài sản trên đất (là ngôi nhà xây cấp 4 của ông V). UBND thành phố Cao Bằng cũng thừa nhận khi giải quyết khiếu nại về việc tranh chấp đất đai giữa gia đình bà S và gia đình ông V cũng có một số tài liệu thể hiện gia đình bà S yêu cầu gia đình ông V phải tháo dỡ nhà trả lại đất cho ông P và bà S. Nhưng xét yêu cầu này của gia đình bà S không có căn cứ vì ngôi nhà của ông V không lấn chiếm sang đất của gia đình bà S. Do vậy UBND thành phố Cao Bằng đã thụ lý giải quyết về tranh chấp đất đai theo yêu cầu của gia đình bà S.

- Khi giải quyết tranh chấp đất đai, UBND thành phố Cao Bằng không xác định rõ diện tích tranh chấp, vị trí tranh chấp, có tranh chấp đến tài sản gắn liền với đất hay không, nên chưa đảm bảo về quyền khởi kiện hay quyền khiếu nại của đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại Tòa gia đình ông P yêu cầu gia đình ông V phải dỡ nhà trả lại đất cho gia đình ông P. Như vậy đây là vụ án tranh chấp về quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất. Để giải quyết các yêu cầu trong vụ án này phải do Tòa án nhân dân thụ lý giải quyết theo Bộ luật tố tụng dân sự mới giải quyết được toàn diện vụ án, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp về quyền sử dụng đất và các quyền về tài sản khác trên đất. Nếu giải quyết theo luật khiếu nại sẽ không đảm bảo các quyền về tài sản trên đất, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

- Về thời hạn giải quyết khiếu nại: Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND thành phố Cao Bằng giải quyết đã quá thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại năm 2011.

- Về hình thức: Ông P, bà S yêu cầu UBND thành phố giải quyết tranh chấp

đất đai; sau khi thực hiện các trình tự về việc giải quyết tranh chấp đất đai UBND thành phố Cao Bằng phải ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai mới đúng quy định. Việc UBND thành phố ban hành quyết định giải quyết đơn khiếu nại đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai tuy nội dung không thay đổi nhưng hình thức chưa phù hợp với quy định.

- Quá trình giải quyết tranh chấp đất đai UBND thành phố Cao Bằng áp dụng Luật đất đai năm 2003 để giải quyết nhưng không có tài liệu nào thể hiện biên bản hòa giải của cấp cơ sở và việc thành lập hội đồng tư vấn theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện hủy các Quyết định hành chính bị kiện của bà Phan Thị S là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí:

Bà Phan Thị S không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30; Điều 32 và điểm b khoản 2 Điều 193 - Luật tổ tụng hành chính 2015;

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị S về việc “Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

- Huỷ Quyết định số: 1993/QĐ-UBND ngày 12-10-2012 Chủ tịch UBND thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

- Huỷ Quyết định số: 2274/QĐĐC-UBND ngày 22-11-2012 của Chủ tịch UBND thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

- Huỷ Quyết định số: 1724/QĐ-UBND ngày 21-10-2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn P và vợ là bà Phan Thị S.

2. Về án phí: Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng, Chủ tịch UBND thành phố Cao Bằng cùng phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) (Mỗi người phải nộp 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*)) tiền án phí hành chính sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Bà Phan Thị S được hoàn lại số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm bà đã nộp theo Biên lai số AA/2011/000065 ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân Khánh